

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 286/2022/DS-PT

Ngày: 25/11/2022

V/v “*tranh chấp Hợp đồng tín dụng*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Dương Thúy Hằng

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Bình

Bà Trần Thị Kim Sang

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Minh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Bé Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 273/2022/TLPT-DS, ngày 07 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 65/2022/DS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2022, của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 289/2022/QĐ-PT ngày 17 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

**1- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q.**

Địa chỉ: Tầng 1 (tầng trệt) và tầng 2, Tòa nhà S – 111A P, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông **Hàn Ngọc V** - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Bà **Trần Thị Thu H** - Chức vụ: Giám đốc Trung tâm Quản lý nợ Ngân hàng bán lẻ (theo văn bản ủy quyền số 27869.20 ngày 04/01/2021).

*Người đại diện theo ủy quyền lại:*

- Ông **Bùi Duy A** - Chức vụ: Cán bộ Ngân hàng TMCP Q (vắng mặt).

- Ông **Phạm Văn C** - Chức vụ: Cán bộ Ngân hàng TMCP Q (vắng mặt).
- Ông **Đỗ Tấn P** - Chức vụ: Cán bộ Ngân hàng TMCP Q (có mặt).

Cùng địa chỉ: Tòa nhà P, Tầng 6, số 26 U, Phường 25, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(theo văn bản uỷ quyền số 061899.22 ngày 10/6/2022).

2. *Bị đơn*: Bà **Hồ Thị L**, sinh năm 1991; địa chỉ: ấp B, xã T, thị xã B, tỉnh Tây Ninh – vắng mặt.

3. *Người kháng cáo*: Ngân hàng TMCP Q – nguyên đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo Đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 10 năm 2021 của Ngân hàng TMCP Q và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:***

Ngày 18/5/2018 bà Hồ Thị L ký hợp đồng tín dụng số 0329.HDTD.Q628.18 với Ngân hàng TMCP Q (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Q) và để vay Ngân hàng Q số tiền 450.000.000 (Bốn trăm năm mươi triệu) đồng; Mục đích vay: thanh toán mua 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA VIOS G; Thời hạn vay: 96 tháng kể từ ngày 22/5/2018 đến ngày 21/5/2026; Lãi suất tại thời điểm giải ngân: 8,99%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi (so với lãi suất thông thường là lãi suất cơ sở trong kỳ + biên độ 3.79%/năm) và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo quy định của Q tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4.09%/năm; Phương thức thanh toán: hoàn trả khoản vay gốc: hàng tháng vào ngày 21, mỗi tháng trả 4.687.500 đồng. Kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 21/6/2018; Trả lãi vào ngày 21 hàng tháng; Trả phí: theo quy định của Q từng thời kỳ; Lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

Ngân hàng Q đã giải ngân cho bà Hồ Thị L theo Đơn đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 0329.KUNN.Q628.18 vào ngày 21/5/2018 với số tiền 450.000.000 đồng.

Ngoài ra, ngày 05/4/2019 bà Hồ Thị L có đơn đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế kèm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản. Theo đó, Ngân hàng Q đã phát hành thẻ tín dụng cho bà Hồ Thị L với hạn mức tín dụng là 45.000.000 (Bốn mươi lăm triệu) đồng, loại thẻ: MC CR PLA CASHBACK, mục đích vay: tiêu dùng, lãi suất vay: theo quy định của Q trong từng thời kỳ. Số tiền bà L đã sử dụng của thẻ tín dụng là 43.394.255 đồng.

Tài sản bảo đảm cho hai khoản vay trên là xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA VIOS G, số khung: 9F38J5039319, số máy: 2NRX312614, biển kiểm soát: 70A-157.51 mang tên Hồ Thị L.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng. Từ ngày 21/9/2019 thì bà L đã ngưng thanh toán nợ cho Ngân hàng Q. Căn cứ Điều 4.1 và Điều 4.3 Hợp đồng tín dụng thì Ngân hàng Q đã chuyển số dư nợ gốc của bà L sang nợ quá hạn. Trước khi thực hiện việc chuyển sang nợ quá hạn thì Ngân hàng Q đã gọi điện thoại cho bà L để nhắc nhở khách hàng thanh toán nợ. Đến ngày 11/02/2020, Ngân hàng Q đã ra thông báo số 12324.20 yêu cầu bà Hồ Thị L trả nợ hoặc bàn giao tài sản bảo đảm cho Ngân hàng. Đến ngày 17/02/2020 Ngân hàng Q tiếp tục ra Thông báo thu hồi, xử lý tài sản tiền vay số 68372.20 gửi cho bà L nhưng bà L vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ và hiện tại Ngân hàng Q vẫn chưa thu hồi được tài sản bảo đảm mà chỉ giữa bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của bà L.

Đối với hợp đồng tín dụng số 0329.HDTD.Q628.18, tính đến ngày 19/8/2022, bà L mới thanh toán cho Ngân hàng Q số tiền 120.818.523 đồng, trong đó: tiền gốc là 70.412.500 đồng, tiền lãi là 50.406.023 đồng, dư nợ tính đến ngày 19/8/2022 là 594.121.212 đồng, gồm 379.587.500 nợ gốc và 214.533.712 đồng nợ lãi. Đối với thẻ tín dụng CASH BACK, tính đến ngày 19/8/2022, dư nợ thẻ tín dụng là 191.583.916 đồng. Kể từ tháng 10/2021 cho đến nay, Ngân hàng Q không tính lãi đối với thẻ tín dụng của bà L nữa.

Nay Ngân hàng TMCP Q yêu cầu bà Hồ Thị L trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền (tạm tính đến ngày 19/8/2022) là 785.705.128 đồng, trong đó gồm có: dư nợ theo hợp đồng tín dụng số 0329.HDTD.Q628.18 ngày 18/5/2018 là 594.121.212 đồng (gồm nợ gốc là 379.587.500 đồng, nợ lãi trong hạn là 4.087.804 đồng, nợ lãi quá hạn là 210.445.908 đồng) và dư nợ thẻ tín dụng là 191.583.916 đồng (gồm nợ gốc 43.394.255 đồng, nợ lãi 31.900.615 đồng, phí chậm thanh toán 51.598.056 đồng, phí thường niên 1.798.000 đồng, phí vượt hạn mức 62.892.990 đồng). Đồng thời, Ngân hàng yêu cầu bà L tiếp tục tính lãi quá hạn kể từ sau ngày 19/8/2022 cho đến khi bà Hồ Thị L thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ đã ký. Ngân hàng không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA VIOS G, số khung: 9F38J5039319, số máy: 2NRX312614, biển kiểm soát: 70A-157.51.

Bị đơn – bà Hồ Thị L đã được Toà án triệu tập họp lệ nhiều lần để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, triệu tập tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ cũng như tham gia phiên toà xét xử sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 65/2022/DS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2022, của Toà án nhân dân thị xã B, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:*

Căn cứ vào Điều 228, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

**1.** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q đối với bà Hồ Thị L về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc bà Hồ Thị L có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền (tạm tính đến ngày 19/8/2022) là 671.214.082 đồng, trong đó gồm có: dư nợ theo hợp đồng tín dụng số 0329.HDTD.Q628.18 ngày 18/5/2018 là 594.121.212 đồng (gồm nợ gốc là 379.587.500 đồng, nợ lãi trong hạn là 4.087.804 đồng, nợ lãi quá hạn là 210.445.908 đồng) và dư nợ thẻ tín dụng là 77.092.870 đồng (gồm nợ gốc là 43.394.255 đồng, nợ lãi là 31.900.615 đồng, phí thường niên là 1.798.000 đồng).

Bà Hồ Thị L phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ kể từ sau ngày 19/8/2022 cho đến ngày bà L trả hết nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP Q thì lãi suất mà bà Hồ Thị L phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của Ngân hàng TMCP Q.

**2.** Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q về việc yêu cầu bà Hồ Thị L trả số tiền 51.598.056 đồng phí chậm thanh toán và 62.892.990 đồng phí vượt hạn mức.

**3.** Về xử lý tài sản thế chấp: nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/8/2022 Ngân hàng TMCP Q kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:*

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về tố tụng: Bị đơn – bà Hồ Thị L đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Người đại diện theo uỷ quyền lại của Ngân hàng Q là ông Bùi Duy A và ông Phạm Văn C vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên, giấy uỷ quyền đã hợp lệ nên được chấp nhận. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bà L, ông A và ông C là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[3] Xét kháng cáo Ngân hàng TMCP Q, Hội đồng xét xử xét thấy:

Xét yêu cầu trả số tiền 51.598.056 đồng phí chậm thanh toán và 62.892.990 đồng phí vượt hạn mức của Ngân hàng TMCP Q thấy rằng: Ngân hàng cho rằng khi ký hợp đồng mở thẻ với bà Hồ Thị L hai bên đã thỏa thuận về việc khách hàng phải chịu các khoản phí theo biểu phí đã được công bố trên Website của Ngân hàng Q. Trường hợp mức phí thay đổi thì Ngân hàng sẽ thông báo trên Website của Ngân hàng Q và gửi qua email của khách hàng. Cụ thể, Ngân hàng Q yêu cầu bà L trả phí chậm thanh toán với lãi suất là 4%/tháng, thành tiền là 51.598.056 đồng và phí vượt hạn mức với lãi suất là 4%/số tiền vượt hạn mức, thành tiền là 62.892.990 đồng. Ngân hàng trình bày, mức lãi suất của khoản phí chậm thanh toán và phí vượt hạn mức trong từng thời kỳ trước khi công bố trên Website của Ngân hàng Q đã được Ngân hàng Nhà nước phê

duyet và gửi qua email của bà L nhưng Ngân hàng không cung cấp được chứng cứ chứng minh hai khoản phí trên có phê duyệt của Ngân hàng Nhà nước và có gửi email cho bà L nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu trả số tiền 51.598.056 đồng phí chậm thanh toán và 62.892.990 đồng phí vượt hạn mức.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, Ngân hàng kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng TMCP Q.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên Ngân hàng TMCP Q phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng TMCP Q.

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 65/2022/DS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2022, của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ vào Điều 228, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

**1.** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q đối với bà Hồ Thị L về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc bà Hồ Thị L có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền (tạm tính đến ngày 19/8/2022) là 671.214.082 đồng, trong đó gồm có: dư nợ theo hợp đồng tín dụng số 0329.HDTD.Q628.18 ngày 18/5/2018 là 594.121.212 đồng (gồm nợ gốc là 379.587.500 đồng, nợ lãi trong hạn là 4.087.804 đồng, nợ lãi quá hạn là 210.445.908 đồng) và dư nợ thẻ tín dụng là 77.092.870 đồng (gồm nợ gốc là 43.394.255 đồng, nợ lãi là 31.900.615 đồng, phí thường niên là 1.798.000 đồng).

Bà Hồ Thị L phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ kể từ sau ngày 19/8/2022 cho đến ngày bà L trả hết nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời

kỳ của Ngân hàng TMCP Q thì lãi suất mà bà Hồ Thị L phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của Ngân hàng TMCP Q.

**2.** Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q về việc yêu cầu bà Hồ Thị L trả số tiền 51.598.056 đồng phí chậm thanh toán và 62.892.990 đồng phí vượt hạn mức.

**3.** Về xử lý tài sản thế chấp: nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

**4.** Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Hồ Thị L phải chịu 30.848.500 (Ba mươi triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn năm trăm) đồng.

Ngân hàng TMCP Q phải chịu 5.724.500 (Năm triệu bảy trăm hai mươi bốn nghìn năm trăm) đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí Ngân hàng TMCP Q đã nộp là 15.178.000 (Mười lăm triệu một trăm bảy mươi tám nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0026389 ngày 13 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Tây Ninh, hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền 9.453.500 (Chín triệu bốn trăm năm mươi ba nghìn năm trăm) đồng.

**5.** Về án phí dân sự phúc thẩm: Ngân hàng TMCP Q phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí Ngân hàng đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0026755 ngày 09/9/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND. TX T;
- Phòng KTNV.TAT;
- TAND TX T;
- CCTHADS TX T;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án; Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Đã ký*

**Dương Thúy Hằng**

